



TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01156/2026/PKQ-THH (26.728)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2026

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
- Địa chỉ lấy mẫu** : Khu phố Bàu Bàng, Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu** : 05/03/2026
- Thời gian thử nghiệm** : 06/03/2026 - 12/03/2026
- Ngày trả kết quả** : 04/04/2026
- Vị trí lấy mẫu** :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	260306.NT.012	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng) (X = 1244369; Y = 591553)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm** : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P.GIÁM ĐỐC

ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thuỷ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01156/2026/PKQ-THH (26.728)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 260306.NT.012)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	BOD <sub>5</sub> <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6001-1:2021	14	27
2	Asen (As) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,002)	0,045
3	Thủy ngân (Hg) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,0045
4	Chì (Pb) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,005	0,09
5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	HDDNHT-23	600	-
6	Cadimi (Cd) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,045
7	Crom VI (Cr <sup>6+</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3500Cr.B:2023	KPH (MDL=0,003)	0,045
8	Crom III (Cr <sup>3+</sup> ) <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023+ SMEWW 3500Cr.B:2023	<0,010 (LOQ=0,01)	0,18
9	Đồng (Cu) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	1,8
10	Kẽm (Zn) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,22	2,7
11	Niken (Ni) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,021	0,18
12	Mangan (Mn) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,03)	0,45
13	Sắt (Fe) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,4	0,9
14	Tổng Xianua (CN-) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6181 : 1996	KPH (MDL=0,002)	0,063
15	Tổng phenol <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5530.B&C:2023	KPH (MDL=0,001)	0,09
16	Tổng dầu mỡ khoáng <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (MDL=1)	4,5

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/02

Ngày BH/ HL: 16/06/2023

Trang 2/3





TÂN HUY HOÀNG CO., LTD

**CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG**

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thủy Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

**Số phiếu: 01156/2026/PKQ-THH (26.728)**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2026

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT
					Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
17	Dầu mỡ động thực vật <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1	-
18	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500S2-.B&D:2023	KPH (MDL=0,015)	0,18
19	Florua (F <sup>-</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6494-1:2011.	1,48	4,5
20	Tổng Nito <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6638:2000.	3,07	18
21	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6194:1996.	47,5	450
22	Clo Du <sup>(a,b)</sup>	mg/L	TCVN 6225-3:2011.	KPH (MDL=0,16)	0,9
23	Coliform. <sup>(a,b)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	1,4 x 10 <sup>3</sup>	3.000
24	Chất hoạt động bề mặt <sup>(a,b)</sup>	mg/L	SMEWW 5540.B&C:2023	KPH (MDL=0,025)	-

**Chú thích:** (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận Vincerts;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Ghi nhận theo giấy phép môi trường số 76/GPMT-STNMT cấp ngày 07/06/2023 có hiệu lực đến ngày 07/06/2033.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp;

- 260306.NT.012: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng) (X = 1244369; Y = 591553)

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

BM03-QT20-BCTN

BH/SD: 03/02

Ngày BH/ HL: 16/06/2023

Trang 3/3





TAN HUY HOANG CO., LTD

# CÔNG TY TNHH TMDV TVMT TÂN HUY HOÀNG

Trụ sở chính: B24, Cư Xá Thuỷ Lợi 301, Đường Nguyễn Văn Thương, P. Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.  
Chi nhánh/Phòng Thử Nghiệm: Số 10/46, Đường Lê Quý Đôn, Khu phố 14, Phường Tam Hiệp, Tỉnh Đồng Nai.  
Điện thoại: 02516 293 577 (ext 105) - Hotline: 0902 695 765 - Website: www.tanhuyhoang.net



VILAS 778

VIMCERTS 076

Số phiếu: 01158/2026/PKQ-THH (26.1075)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2026

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
- Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH HOÀNG HÙNG - CỤM NHÀ XƯỞNG CHO THUÊ
- Địa chỉ lấy mẫu : Khu phố Bàu Bàng, Xã Bàu Bàng, Thành phố Hồ Chí Minh
- Ngày lấy mẫu : 24/03/2026
- Thời gian thử nghiệm : 25/03/2026 - 31/03/2026
- Ngày trả kết quả : 04/04/2026
- Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	260325.NT.030	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng) (X = 1244 363; Y = 591 545)	Nước thải

- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

PHỤ TRÁCH PTN

Vũ Thị Hà

P. GIÁM ĐỐC



ThS. Phạm Thị Hải Yến

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng



Số phiếu: 01158/2026/PKQ-THH (26.1075)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: 260325.NT.030)

STT	THÔNG SỐ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/BTNMT
				Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0
1	Tổng Photpho (a,b) mg/L	TCVN 6202:2008.	2,70	3,6

Chú thích: (a)- Thông số được công nhận ISO/IEC 17025 của VILAS; (b)- Thông số được chứng nhận VIMCERTS;

- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Cột A là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại Bảng 1 QCVN 40:2011/BTNMT; Kq là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch; kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ; Kf là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- QCVN 40:2011/ BTNMT, Cột A, Kq=0,9 và Kf=1,0: Ghi nhận theo giấy phép môi trường số 76/GPMT-STNMT cấp ngày 07/06/2023 có hiệu lực đến ngày 07/06/2033.

- 260325.NT.030: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải (sau bể khử trùng) (X = 1244 363; Y = 591 545)

VIMCERTS 076

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty Tân Huy Hoàng lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

